TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 95/2019/DS-ST
Ngày: 27/9/2019.
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**

- Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Nguyễn Văn Hồng.**

2. Ông **Đặng Văn Tâm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm** là thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Tôn Văn Xuyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số**:** 261/2019/TLST- DS ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp: *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 369/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 326/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Dương H (Q), sinh năm 1970; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: số 477A/24, khóm T, phường B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 13/06/2019 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Bùi Phú Q (Bùi Văn Đ), sinh năm 1975; địa chỉ: tổ 27, ấp B, xã X, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị Huỳnh M, sinh năm 1976; địa chỉ: tổ 27, ấp B, xã X, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Dương H (Q) ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P trình bày: Do quen biết với ông Bùi Phú Q (Bùi Văn Đ) nên ngày 02/9/2018 âm lịch, ông H (Q) có cho ông Bùi Phú Q (Bùi Văn Đ) vay số tiền 550.000.000 đồng, mục đích để làm vốn mua bán xoài, lãi suất thỏa thuận 1.000.000 đồng/ngày, không thỏa thuận thời gian trả vốn, có làm giấy tờ do ông Q (Đ) ghi nội dung, ông H (Q) đã giao đủ tiền cho ông Q (Đ).

Sau khi vay ông Q (Đ) có đóng lãi cho ông Q với số tiền 60.000.000 đồng/60 ngày, từ đó đến nay thì không đóng lãi nữa. Ông H (Q) đã nhiều lần đến gặp ông Q (Đ) để yêu cầu trả số tiền trên nhưng không trả, mục đích vay tiền là để mua bán và dùng trong sinh hoạt gia đình. Nay ông H (Q) yêu cầu ông Bùi Phú Q (Bùi Văn Đ) và bà Võ Thị Thanh M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H (Q) số tiền 550.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 02/11/2018 âm lịch nhằm ngày 08/12/2018 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Theo ông H trình bày: Do quen biết ngày 02/9/2018, ông có cho ông Q vay số tiền 550.000.000 đồng, mục đích vay để làm vốn kinh doanh, lãi suất thỏa thuận hai bên là 1.000.000 đồng/ngày, không thỏa thuận thời gian trả vốn, có lập biên bản do chính ông Q viết, đã nhận lãi 60.000.000 đồng. Nay, yêu cầu ông Q và bà M (vợ ông Q) liên đời trả số tiền 550.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 08/12/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Phía ông Q, bà M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản ghi nhận ý kiến.

Xét thấy, căn cứ ông H khởi kiện là biên nhận nợ ngày 02/9/2018, thể hiện nội dung " Bùi Văn Đ có nhận của anh Q một số tiền là 550.000.000 đồng", ông H (Q) xác định đã giao 550.000.000 đồng cho ông Q (Đ) xong và nhận lãi 60.000.000 đồng. Ông Q đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng

ông Q không có ý kiến phản hồi nên căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Đối với bà M, tuy không trực tiếp nhận tiền nhưng đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại nên việc ông H yêu cầu bà M liên đới cùng ông Q trả số tiền 550.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về lãi suất, do ông Q, bà M chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H nên việc ông H yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 08/12/2018 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm là có căn cứ phù hợp Điều 468 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa, ông P đại diện nguyên đơn yêu cầu điều chỉnh lãi theo quy định của pháp luật. Xét thấy đây là sự tự nguyện, nghĩ nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình xem xét quyết định.

Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ ông Bùi Phú Q (Bùi Văn Đ) bà Võ Thị Huỳnh M đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng ông bà không đến và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án xem xét. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Bùi Phú Q (Bùi Văn Đ) bà Võ Thị Huỳnh M có nơi cư trú tại ấp B, xã X, huyện C, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Bùi Phú Q (Bùi Văn Đ) bà Võ Thị Huỳnh M được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q (Đ), bà M.

[2] Qua lời trình bày của ông P đại diện ủy quyền của ông H (Q), các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử xác định giữa ông H (Q) với ông Q (Đ) có xác lập hợp đồng vay tài sản cụ thể vào ngày 02/9/2018 âm lịch (nhằm ngày 10/10/2018 dương lịch), số tiền 550.000.000 đồng, mục đích để làm vốn mua bán xoài, lãi suất thỏa thuận 1.000.000 đồng/ngày/550.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả vốn, ông H (Q) đã giao đủ tiền cho ông Q (Đ). Sau khi vay, ông Q (Đ) có đóng lãi

cho ông Q với số tiền 60.000.000 đồng/60 ngày, từ đó đến nay thì không đóng lãi và cũng không trả vốn.

Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Ông Q (Đ) không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi ông H (Q) có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi quyền lợi của ông H (Q).

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Q (Đ) bà M vắng mặt và cũng không gửi ý kiến trình bày để Hội đồng xét xử xem xét, ông H (Q) xuất trình chứng cứ là biên nhận nợ ngày 02.9.2018 (al) giữa ông H (Q) với ông Q (Đ) và có chữ ký. Xét thấy, giữa ông Q (Đ) với bà M là vợ chồng nên ông H (Q) yêu cầu ông Q (Đ), bà M có nghĩa vụ liên đới trả số nợ cho ông H (Q) là phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H (Q) buộc ông Q (Đ), bà M có nghĩa vụ liên đới trả ông H (Q) số tiền vay 550.000.000 đồng là có cơ sở.

[3] Về lãi suất: Xét yêu cầu tính lãi của ông H (Q) thấy rằng:

Khi vay mượn hai bên thỏa thuận lãi suất 1.000.000 đồng/ngày/550.000.000 đồng là cao hơn so với quy định pháp luật. Tại phiên tòa, ông P đại diện ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện khấu trừ phần lãi vượt vào số tiền vốn. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự nghĩ nên chấp nhận.

Số tiền được tính như sau: 550.000.000 đồng x 10%/năm x 60 ngày = 9.167.000 đồng.

Số phần lãi vượt là: 60.000.000 đồng – 9.167.000 đồng = 50.833.000 đồng. Số tiền được khấu trừ như sau: 550.000.000 đồng – 50.833.000 đồng = 499.167.000 đồng.

Ông H (Q) yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 08/12/2018 đến ngày 27/9/2019. Xét thấy, do ông Q và bà M chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng quyền lợi của ông H (Q) nên việc ông H (Q) yêu cầu tính lãi là có căn cứ nghĩ nên chấp nhận. Số tiền lãi được tính như sau: 499.167.000 đồng x 10%/năm x 293 ngày = 40.627.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 539.794.000 đồng (năm trăm ba mươi chín triệu bảy trăm chín mươi bốn ngàn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Bùi Phú Q (Bùi Văn Đ), bà Võ Thị Huỳnh M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ

Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 27 luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Điều 26, 35, 39, 144, 147, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Dương H (Q)

- Buộc ông Bùi Phú Q (Bùi Văn Đ), bà Võ Thị Huỳnh M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Dương H (Q) số tiền vốn vay 499.167.000 đồng (bốn trăm chín mươi chín triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn) và tiền lãi 40.627.000 đồng (bốn mươi triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn) tổng cộng vốn và lãi là 539.794.000 đồng (năm trăm ba mươi chín triệu bảy trăm chín mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Bùi Phú Q (Bùi Văn Đ), bà Võ Thị Huỳnh M có nghĩa vụ liên đới chịu 25.591.760 đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm sáu chục)

- Ông Trần Dương H (Q) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 13.000.000 đồng (mười ba triệu) theo biên lai thu số 0013170 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận**:**
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
-Các đương sự;
-Lưu.